

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **233/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28/7/2021

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Dương Thúy C và anh Nguyễn Xuân H”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.
2. Ông Trần Thế Dũng.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Thế Anh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Dương Thúy C, sinh năm: 1983;
Địa chỉ: Thôn 01, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn 01, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị C có mặt tại phiên tòa;
anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa chị Dương Thúy C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang ngày 03/3/2001 và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại xã K, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn. Từ năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Ban đầu chị cố gắng chịu đựng nhưng sau mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H đánh đập chị. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình và xóm khuyên ngăn nhưng không hòa giải được, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh H. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Chị Dương Thúy C xác định chị và anh Nguyễn Xuân H có 02 con chung, cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 25/10/2002; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/01/2005. Cháu Nguyễn Huy T hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu T. Cháu Nguyễn Thị H, hiện nay chưa đủ 18 tuổi, còn đang đi học, chị muốn để cháu tự quyết định ở với bố hay với mẹ, nếu cháu muốn ở với mẹ thì chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Dương Thúy C xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Xuân H đến để giải quyết vụ án; văn bản tố tụng Tòa án gửi theo đường bưu điện và niêm yết theo quy định nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh H cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H và chị Chuyển. Kết quả xác minh thể hiện, anh H và Chị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã K, thành phố T; anh Nguyễn Xuân H là công dân cư trú tại thôn 01, xã K, không có việc làm, thu nhập, là đối tượng nghiện ma túy; Chị C với anh H là vợ chồng nhưng từ năm 2019 do mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Do vậy, việc anh H không đến Tòa án để làm việc là anh H cố ý trốn tránh nhằm gây khó dễ cho việc Chị C xin ly hôn.

Kết quả xác minh cũng thể hiện về các mối quan hệ của Chị C và anh H như sau: Chị Dương Thúy C và anh Nguyễn Xuân H có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn thì cùng chung sống tại xã K, thành phố T. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2019, thường xuyên cãi vã, anh H đánh đập chị Chuyển; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất, anh H nghiện ma túy, không chịu làm ăn, đánh đập chị Chuyển. Về tài sản chung của Chị C và anh H địa phương không nắm được, chỉ biết tại thôn anh H Chị C ở nhà riêng. Vay nợ chung của Chị C và anh H không thấy có điều tiếng gì nên địa phương không biết. Chị C và anh H có 02 con chung, con lớn đã trên 18 tuổi, trưởng thành; con bé hiện đang ở với chị Chuyển, học Trường THPT Ý La, việc giải quyết nuôi con chung giữa hai vợ chồng địa phương không có ý kiến.

Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/01/2005, là con chung của Chị C và anh H trình bày: Cháu là con chung của Chị C anh H, cháu có biết việc bố mẹ mâu thuẫn nhưng cháu không có ý kiến gì. Hiện cháu đang học Trường THPT Ý La, thành phố T, do mẹ cháu nuôi dưỡng. Bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ, vì ở với mẹ cháu

thoải mái hơn và mẹ có điều kiện chăm sóc cháu hơn; cháu đề nghị Tòa án cho cháu được ở với mẹ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Xuân H bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, kết quả xác minh ngày 16/6/2021 tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang thể hiện, trong thời gian chấp hành Quyết định xử lý hành chính tại Trung tâm anh H bỏ trốn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Dương Thúy C được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H. Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/01/2005 cho Chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 25/10/2002, là con chung của anh H chị Chuyển, cháu T đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu T. Các đương sự tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không đề nghị xem xét giải quyết; chị Dương Thúy C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa của chị Dương Thúy C và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thúy C và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2001. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ năm 2019 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung căng thẳng, vợ chồng sống ly thân. Quan hệ hôn nhân giữa Chị C và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Anh H là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, thu nhập, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thúy C xử cho Chị C được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

[2] Về con chung: Lời khai của chị Dương Thúy C và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, Chị C và anh Nguyễn Xuân H có 02 con chung, cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 25/10/2002; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/01/2005; cháu Nguyễn Huy T hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, Hội

đồng xét xử không xem xét về việc nuôi con chung đối với cháu T. Đối với cháu Nguyễn Thị H, cháu H có nguyện vọng được ở với Chị C nếu bố mẹ ly hôn, anh H là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, hiện đang đi cai nghiện bắt buộc; Chị C có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi con nếu cháu H muốn ở với mẹ, Chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, giao cháu Nguyễn Thị H cho chị Dương Thúy C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của cháu H. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị C chưa có yêu cầu; anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Dương Thúy C xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của anh Nguyễn Xuân H: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân H vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị C và anh H, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh H vắng mặt là cố ý trốn tránh việc giải quyết ly hôn, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án; vì kết quả xác minh đã thể hiện anh H vẫn cư trú tại địa phương, anh H hiện tại đi cai nghiện bắt buộc còn trốn khỏi cơ sở cai nghiện. Các thủ tục tổng đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên cố ý vắng mặt.

[5] Về nội dung mâu thuẫn năm sinh của anh Nguyễn Xuân H trong các tài liệu chứng cứ: Tại Giấy chứng nhận kết hôn ghi anh H sinh ngày 13/01/1981 còn các giấy tờ khác đều thể hiện anh H sinh ngày 10/10/1980. Qua xác minh thể hiện, tất cả các giấy tờ hiện nay anh H sử dụng đều thể hiện anh H sinh ngày 10/10/1980; anh Nguyễn Xuân H và chị Dương Thúy C là vợ chồng, sinh sống tại xã K từ khi kết hôn cho đến giờ; Chị C chưa kết hôn cũng như chưa chung sống với ai khác ngoài anh H. Nên xác định anh Nguyễn Xuân H, sinh ngày 13/01/1981 ghi trong giấy đăng ký kết hôn năm 2001 với chị Dương Thúy C và anh Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/10/1980 trong các giấy tờ khác mà Chị C giao nộp và địa phương xác nhận là một người, là chồng của chị Dương Thúy C.

[6] Về án phí: Chị Dương Thúy C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thúy C được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2005, là con chung của chị Dương Thúy C và anh Nguyễn Xuân H, cho Chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do Chị C chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thúy C phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị C đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000897 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Xuân H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thúy C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thảo - Trần Thế Dũng

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

